

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP ...¹

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

2. Thời gian thực hiện: tháng
(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

3. Cấp quản lý:

4. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:

| Nguồn | Kinh phí (triệu đồng) |
|-------------------------------------|------------------------------|
| - Từ ngân sách nhà nước | |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước | |

5. Đề nghị phương thức khoán chi:

| | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng | <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: |
| | - Kinh phí khoán:triệu đồng |
| | - Kinh phí không khoán:triệu đồng |

6. Loại hình đề tài:

7. Lĩnh vực:

- Tự nhiên; Nông nghiệp;
 Kỹ thuật và công nghệ; Y, dược.
 Lĩnh vực khác.

8. Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm sinh²: Giới tính¹¹: Nam / Nữ:

¹ Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

² Không cần ghi nếu đã cung cấp số định danh cá nhân

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp³: Chức vụ
 Điện thoại: E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:
 Địa chỉ tổ chức:

9. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:Số định danh cá nhân:
 Ngày, tháng, năm sinh¹¹: Giới tính¹¹: Nam / Nữ:
 Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh nghề nghiệp: Chức vụ:
 Điện thoại: E-mail:
 Tên tổ chức đang công tác:
 Địa chỉ tổ chức:

10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:
 Mã số tổ chức:
 Điện thoại:
 Website:.....
 Địa chỉ:
 Họ và tên người đứng đầu:.....
 Số tài khoản:tại kho bạc Nhà nước
 Ngân hàng:

11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tên tổ chức 1:
 Mã số tổ chức:
 Điện thoại:
 Địa chỉ:
 Họ và tên người đứng đầu:.....
 Tên cơ quan chủ quản:

2. Tên tổ chức 2:
 Mã số tổ chức:

³ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ (kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp) hoặc tương đương.

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên người đứng đầu:

Tên cơ quan chủ quản:

12. Thành viên thực hiện đề tài

(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

| TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Chức danh thực hiện đề tài ⁴ | Tổ chức công tác |
|-----|-------------------------------|--|------------------|
| 1 | | Chủ nhiệm đề tài | |
| 2 | | Thư ký khoa học | |
| 3 | | Thành viên chính | |
| ... | | Thành viên chính | |

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13. Mục tiêu của đề tài *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

14. Tình trạng của đề tài

- Mới
 Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
 Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài
Ngoài nước *(Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có*

⁴ Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ (Chỉ nêu chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính).

liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

.....

.....

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các thành viên tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

.....

.....

15.2 Luận giải về những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải về việc cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài, luận giải về những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu. Nêu tổng quan về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để thực hiện đề tài.)

.....

.....

.....

16. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu tài liệu đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

.....

17. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết:

- Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu của đề tài. Những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu nêu trên;

- Chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có;

- Nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 20)

Nội dung 1:.....

Công việc 1.1:

Công việc 1.2:

.....

Nội dung 2:.....

Công việc 2.1:

Công việc 2.2:

.....

Nội dung 3:.....

Công việc 3.1:

Công việc 3.2:

.....

18. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có).

.....

.....

.....

19. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....

20. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

20.1. Thuê chuyên gia trong nước

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|---------------|---------------------|---|-------------------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| | | | | | |

20.2. Thuê chuyên gia nước ngoài

| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|-------|----------------------------|-----------|---------------|---------------------|---|-------------------------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |

21. Tiến độ thực hiện

| | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|----------|--|------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Nội dung 1 | | | | |
| | - Công việc 1.1 | | | | |
| | - Công việc 1.2 | | | | |
| | | | | | |
| 2 | Nội dung 2 | | | | |
| | - Công việc 2.1 | | | | |

| | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu | Kết quả phải đạt | Thời gian (bắt đầu, kết thúc) | Cá nhân, tổ chức chủ trì* | Dự kiến kinh phí |
|-----|---|-------------------------|---|----------------------------------|-------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | - Công việc 2.2 | | | | |
| | | | | | |
| ... | Nội dung n | | | | |
| | - Công việc n.1 | | | | |
| | - Công việc n.2 | | | | |
| | | | | | |

* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20

III. SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN) CỦA ĐỀ TÀI

22. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt
(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

| Số TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản) | Ghi chú |
|--------------|---------------------|---------------------------------|---|----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình, ...*); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

| TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----------|---------------------|---------------------------------|----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

Dạng III: Mẫu (*model, maket*); Sản phẩm (*là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường*); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.

| Số TT | Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm | Đơn vị đo | Mức chất lượng | | | Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra |
|--------------|--|------------------|-----------------------|---|-----------------|--|
| | | | Cần đạt | Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | |
| | | | | Trong nước | Thế giới | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Dạng IV: Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng

| TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|-----------|---------------------|---------------------------------|----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

22.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

| T T | Cấp đào tạo | Số lượng | Chuyên ngành đào tạo | Ghi chú |
|------------|--------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |

22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có (*Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài*)

.....

22.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....
.....
.....
.....

23. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1. Khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường)*

.....
.....
.....
.....

23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

.....
.....
.....
.....

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....
.....
.....
.....

23.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....
.....
.....

24. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....
.....
.....
.....

25. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....
.....
.....
.....

25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....
.....
.....
.....

25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài *(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)*

26.1. Phương án trang bị tài sản *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

| 27 | Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi | | | | | | |
|--|---|---------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------|---|
| | Nguồn kinh phí | Tổng số | Trong đó | | | | |
| Chi thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia (nếu có) | | | Nguyên, vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| 1 | Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi: | | | | | | |
| 2 | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước | | | | | | |

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề tài
(Chữ ký, họ và tên)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

Cơ quan/ đơn vị có thẩm quyền phê duyệt³
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

³ Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

| Số T T | Nội dung các khoản chi ⁵ | Tổng kinh phí | Nguồn vốn ⁶ | | | | | | | | | | | | |
|--------------|--|---------------------|---------------------------------|--|--------------|--|-------------|--|------------|--|--------------------------|--------------|-------------|------------|--|
| | | | Ngân sách nhà nước ⁷ | | | | | | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | |
| | | | Tổng số | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | |
| | | | Kinh phí | <i>Trong đó, khoản chi theo quy định</i> | Kinh phí | <i>Trong đó, khoản chi theo quy định</i> | Kinh phí | <i>Trong đó, khoản chi theo quy định</i> | Kinh phí | <i>Trong đó, khoản chi theo quy định</i> | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4=(6+8+10) | 5=(7+9+11) | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| 1 | Chi thù lao thực hiện đề tài | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Nguyên, vật liệu, năng lượng | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Thiết bị, máy móc | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Chi khác | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | |

⁵ Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

⁶ Chi dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt

⁷ Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ trung ương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSDP)

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

| Số TT | Chức danh | Tổng số người | Số tháng quy đổi | Tổng kinh phí (triệu đồng) | |
|--------------|---|---------------|------------------|----------------------------|--------------------------|
| | | | | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài | | | | |
| 2 | Thành viên chính | | | | |
| 3 | Thành viên | | | | |
| 4 | Thư ký khoa học | | | | |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | | | | |
| 6 | Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu | | | | |
| Cộng: | | | | | |

DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung công việc | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN) | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh | Tổng thù lao thực hiện đề tài | Nguồn vốn ⁸ | | | | | | | | |
|------------|--|---|-------------------------------|---|--|-------------------------------|------------------------|--------------|-------------|------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|--|
| | | | | | | | Ngân sách nhà nước | | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | |
| | | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=3x5x6 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| I | Xây dựng thuyết minh đề tài | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng | | | | | | | | | | | | | |
| | Thù lao của chủ nhiệm đề tài⁹: | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thù lao của thư ký khoa học: | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Nội dung nghiên cứu | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nội dung 1: ... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Công việc 1.1: ... <i>Ví dụ: Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học</i> | | | | | | | | | | | | | | |

⁸ Chi dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

⁹ Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn ¹⁰ | | | | | | | | | | | | |
|------------|--|-----------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|--|
| | | | | | | Ngân sách nhà nước | | | | | | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | |
| | | | | | | Tổng số | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | |
| | | | | | | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | |
| I | Nội dung 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính. | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I.1 | Công việc 1.1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyên, vật liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |

¹⁰ Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

| Số TT | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn ¹⁰ | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|----------------------|----------------|----------|---------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------|-------------|------------|--|--|
| | | | | | | Ngân sách nhà nước | | | | | | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | | |
| | | | | | | Tổng số | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| | | | | | | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoản chi theo quy định | | | | | | |
| 4 | Nước | m ³ | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Nội dung 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II.1 | Công việc 2.1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyên, vật liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Nước | m ³ | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 4. Thiết bị, máy móc*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | | | | |
|-------------|--|----------|---------|------------|--------------------|--------------|-------------|--------------------------|------|--------------|-------------|------------|--|
| | | | | | Ngân sách nhà nước | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | | |
| | | | | | Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | |
| I | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài¹¹ | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| II | Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| III | Khấu hao thiết bị¹² | | | | | | | | | | | | |
| VI | Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê) | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| IV | Thiết bị công nghệ mua mới | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| V | Vận chuyển lắp đặt | | | | | | | | | | | | |
| VI | Bảo dưỡng, sửa chữa | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | |

¹¹ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

¹² Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | Nội dung ¹³ | Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | | | | |
|----------|---|----------|--------------------|-----------------|----------------|---------------|--------------------------|-----------------|----------------|---------------|--|
| | | | Ngân sách nhà nước | | | | Ngoài ngân sách nhà nước | | | | |
| | | | Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | |
| 1 | Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước | | | | | | | | | | |
| 4 | Chi phí khác | | | | | | | | | | |
| | Cộng: | | | | | | | | | | |

¹³ Dự toán kèm theo phương án chi tiết

